

**BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH
TỈNH KON TUM
GIAI ĐOẠN CHƯƠNG TRÌNH: NĂM 2021**

I. TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN

BẢNG I-1: TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN CỦA TỈNH		
DLI	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh	01	01
DLI 1.2 Số Xã mới đạt được Vệ sinh toàn xã	0	0
DLI 1.3 Số Đầu nối Cấp nước tới hộ gia đình được cải tạo hay mới xây dựng đang hoạt động	2.020	2.049
DLI 2.1 Số hộ gia đình trong Tỉnh có Hệ thống Nước Bền vững	2.125	1.850
DLI 2.2 Số Xã đã đạt được tình trạng Vệ sinh toàn xã cách đây 2 năm dương lịch, nơi tất cả các mẫu giáo, trường tiểu học và trung học và trung tâm y tế duy trì được Tình trạng Vệ sinh	07	09
DLI 3.1 Số Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai	02	02
DLI 3.2 Số Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện	01	01

BẢNG I-2: TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN 1.1		
	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Kế hoạch Truyền thông Thay đổi Hành vi đã phê duyệt được thực hiện ở tỉnh: Liệt kê các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC		
NGÀNH Y TẾ		
Hoạt động cấp tỉnh		
Hoạt động 1: Hội nghị triển khai cấp tỉnh Chương trình Mở rộng qui mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2021.	01 Hội nghị	- Tổ chức: 01 Hội nghị ngày 15/11/2021. - Tổng số 52/60 đại biểu tham dự. Trong đó: 39 nam, 13 nữ. DTTS: 02
Hoạt động 2: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi & Phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tỉnh, huyện.	01 Lớp	- Tổ chức 01 lớp tập huấn - Thời gian 04 ngày/lớp

		<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày: 16-19/11/2021 - Số học viên tham dự: 41/45 học viên; Trong đó: 23 nam, 18 nữ. DTTS: 03
<p>Hoạt động 3: Hoạt động truyền thông về vệ sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên phương tiện thông tin đại chúng: truyền hình, báo - In ấn, cấp phát áp phích về Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát sóng trên Đài TH: 01 lần/năm - Tin bài trên báo tỉnh: 01 lần/năm - Sản xuất tài liệu truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Phát Video Clip về thông điệp Chương trình “Chung tay vì làng quê sạch đẹp” trên đài truyền hình. Số lần: 03 đêm/01 lần (ngày 27, 28, 29/10/2021). 2. Đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế. <u>Tên bài viết: Kế hoạch số 3589/KH-SYT ngày 04/8/2021 về triển khai Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.</u> <u>Đường line: http://syt.kontum.gov.vn/laws/detail/Ke-hoach-trien-khai-Chuong-trinh-Mo-rong-quy-mo-ve-sinh-va-nuoc-sach-nong-thon-dua-tren-ket-qua-nam-2021-117/</u> 3. In ấn và cấp tài liệu chuyên môn tuyên truyền về vệ sinh và rửa tay với xà phòng, số lượng: 2.850 quyển. 4. Tổ chức hoạt động truyền thông tại cộng đồng (hợp thôn, thăm hộ) tại thôn thực Chương trình về: xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; tầm quan trọng của việc rửa tay với xà phòng, thực hành rửa tay với xà phòng; hướng dẫn về thực hành vệ sinh phòng chống dịch COVID-19; tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh tại thôn, xóm. Tổng số hộ gia đình tham gia: 1.160 hộ.
Hoạt động 4: Duy trì hoạt động tại cửa hàng tiện ích/ chợ xây	25 cửa hàng/25 xã	Duy trì 25 cửa hàng ở 25 xã thực hiện Chương trình tại 08 huyện
Hoạt động 5: Tổ chức Lễ công nhận xã đạt VSTX cho các xã đạt VSTX năm 2020	01 lễ/01 xã	Tổ chức Lễ công nhận xã đạt VSTX cho các xã đạt VSTX năm 2020. Tổng số người tham dự: 150 người/5 Lễ công nhận.
Hoạt động 6: Kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động Chương trình.	04 đợt/ năm	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: 05 đợt. + Kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động: 03 đợt. + Kiểm tra, giám sát hỗ trợ công tác kiểm đếm: 01 đợt. + Kiểm tra công trình vệ sinh, nguồn nước, của Trạm Y tế và trường học các xã thực hiện vệ sinh toàn xã bền vững năm 2021.

Hoạt động 7: Báo cáo kết quả các hoạt động của Chương trình.	01	01
<i>Hoạt động cấp huyện</i>		
Hoạt động 8: Tập huấn về truyền thông và thay đổi hành vi & Phát triển thị trường vệ sinh cho Cán bộ xã, tuyên truyền viên, cửa hàng tiện ích.	15 lớp/15 xã thực hiện vệ sinh toàn xã bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức 15 lớp tại 15 xã/08 huyện: - Thời gian: 2 ngày/lớp Số học viên: học viên Cụ thể: 282 học viên, trong đó: 132 nữ, 150 nam, DTTS: 169. - Huyện Đắk Hà: Xã Đắk La: 24 học viên, trong đó: 11 nữ, 13 nam, DTTS: 11 Xã Đắk Ui: 20 học viên, trong đó: 9 nữ, 11 nam, DTTS: 17 Xã Ngọc Wang: 18 học viên, trong đó: 8 nữ, 10 nam, DTTS: 12 - Huyện Đắk Tô: Xã Tân Cảnh: 20 học viên, trong đó: 10 nữ, 10 nam, DTTS: 6 Xã Kon Đào: 18 học viên, trong đó: 9 nữ, 9 nam, DTTS: 4 Xã Đắk Trăm: 18 học viên, trong đó: 7 nữ, 11 nam, DTTS: 16. Xã Văn Lem: 14 học viên, trong đó: 7 nữ, 7 nam, DTTS: 10 - Huyện Ngọc Hồi: Xã Đắk Xú: 26 học viên, trong đó: 15 nữ, 11 nam, DTTS: 12 - Huyện Đắk Glei Xã Đắk Roong: 16 học viên, trong đó: 5 nữ, 11 nam, DTTS: 13 - Huyện Tu Mơ Rông: Xã Đắk Hà: 22 học viên, trong đó: 9 nữ, 13 nam, DTTS: 17 Xã Đắk Tô Kan: 18 học viên, trong đó: 10.nữ, 8 nam, DTTS: 14 Xã Đắk Rơ Ông: 22 học viên, trong đó: 12 nữ, 10 nam,

		<p>DTTS: 18</p> <p>- Huyện Sa Thầy: Xã Sa Nhơn: 14 học viên, trong đó: 05 nữ, 09 nam, DTTS: 01</p> <p>- Huyện Kon Rẫy: Xã Tân Lập: 16 học viên, trong đó: 9 nữ, 7 nam, DTTS: 3</p> <p>- Huyện Kon Plong: Xã Đăk Tăng: 16 học viên, trong đó: 06 nữ, 10 nam, DTTS: 15</p>
Hoạt động cấp xã		
Hoạt động 9: Hội nghị triển khai Chương trình cấp xã	01 hội nghị/01 xã	<p>- Tổ chức 15 hội nghị/15 xã/08 huyện:</p> <p>- Thời gian: 2 ngày/lớp</p> <p>Số học viên: học viên</p> <p>Cụ thể: 240 người tham dự, trong đó: 94 nữ, 146 nam, DTTS:108</p> <p>- Huyện Đăk Hà:</p> <p>Xã Đăk La: 19 người, trong đó: 7 nữ, 12 nam, DTTS: 5</p> <p>Xã Đăk Uí: 15 người, trong đó: 6 nữ, 9 nam, DTTS: 11</p> <p>Xã Ngọc Wang: 14 người, trong đó: 5 nữ, 9 nam, DTTS: 8</p> <p>- Huyện Đăk Tô:</p> <p>Xã Tân Cảnh: 17 người, trong đó: 7 nữ, 10 nam, DTTS: 4</p> <p>Xã Kon Đào: 16 người, trong đó: 14 nữ, 2 nam, DTTS: 2</p> <p>Xã Đăk Trăm: 16 người, trong đó: 7 nữ, 9 nam, DTTS: 7</p> <p>Xã Văn Lem: 14 người, trong đó: 7 nữ, 7 nam, DTTS: 8</p> <p>- Huyện Ngọc Hồi:</p> <p>Xã Đăk Xú: 20 người, trong đó: 8 nữ, 12nam, DTTS: 9 người</p> <p>- Huyện Đăk Glei</p> <p>Xã Đăk Roong: 15 đại biểu, trong đó: 1 nữ, 14 nam,</p>

		<p>DTTS: 10</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huyện Tu Mơ Rông: Xã Đăk Hà: 17 người, trong đó: 6 nữ, 11 nam, DTTS: 11 Xã Đăk Tô Kan: 15 người, trong đó: 5 nữ, 10 nam, DTTS: 9 Xã Đăk Rơ Ông: 20 người, trong đó: 8 nữ, 12 nam, DTTS: 14 - Huyện Sa Thầy: Xã Sa Nhơn: 15 người, trong đó: 04 nữ, 11 nam, DTTS: 01 - Huyện Kon Rẫy: Xã Tân Lập: 13 người, trong đó: 04:nữ, 09: nam, DTTS:01 - Huyện Kon Plong: Xã Đăk Tăng: 14 người, trong đó: 05 nữ, 09 nam, DTTS: 08
<p>Hoạt động 10: Hoạt động truyền thông tại các xã thực hiện vệ sinh toàn xã bền vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát tin trên loa truyền thanh xã/Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng. - Cấp áp phích 	<p>15/15 xã thực hiện đầy đủ các hoạt động truyền thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát tin trên loa truyền thanh xã/Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng. - Cấp áp phích 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát tin trên loa truyền thanh xã: 101 lượt/9 xã/03 huyện (Đăk Hà, Đăk Tô, Tu Mơ Rông) - Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng: Hướng dẫn sử dụng, bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh; rửa tay với xà phòng: + Họp thôn: tại 8 xã/ 5 huyện (Đăk Tô, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy, Kon Plông, Ngọc Hồi): 2.710 người tham dự. + Thăm 786 hộ tại 3 xã/ huyện Tu Mơ Rông. - Cấp áp phích: 111 tờ/15 xã/08 huyện. - Cấp băng rôn: 20 băng rôn/04 xã/02 huyện (Đăk Hà, Sa Thầy) - Cấp 30 bộ tranh lật truyền thông về nghề tiêu; cấp tờ rơi tuyên truyền: 80 tờ tại xã Đăk Rông, huyện Đăk Glei.
<p>Hoạt động 11: Giám sát, hỗ trợ thôn triển khai hoạt động truyền thông.</p>	<p>03 lần/năm</p>	<p>Giám sát: tại 111 thôn của 15 xã</p>

Hoạt động 12: Hoạt động báo cáo, giám sát chương trình.	Mỗi đơn vị sẽ thực hiện 01 bản báo cáo theo quy định.	08 huyện triển khai chương trình thực hiện báo cáo
Hoạt động 1: Hội nghị triển khai cấp tỉnh Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2021.	01 Hội nghị	- Tổ chức: 01 Hội nghị ngày 15/11/2021. - Tổng số 52/60 đại biểu tham dự. Trong đó: 39 nam, 13 nữ. DTTS: 02
Hoạt động 2: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi & Phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tỉnh, huyện.	01 Lớp	- Tổ chức 01 lớp tập huấn - Thời gian 04 ngày/lớp - Từ ngày: 16-19/11/2021 - Số học viên tham dự: 41/45 học viên; Trong đó: 23 nam, 18 nữ. DTTS: 03
Hoạt động 3: Hoạt động truyền thông về vệ sinh: - Trên phương tiện thông tin đại chúng: truyền hình, báo - In ấn, cấp phát áp phích về Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	- Phát sóng trên Đài TH: 01 lần/năm - Tin bài trên báo tỉnh: 01 lần/năm - Sản xuất tài liệu truyền thông	1. Phát Video Clip về thông điệp Chương trình “Chung tay vì làng quê sạch đẹp” trên đài truyền hình. Số lần: 03 đêm/01 lần (ngày 27, 28, 29/10/2021). 2. Đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế. <u>Tên bài viết: Kế hoạch số 3589/KH-SYT ngày 04/8/2021 về triển khai Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.</u> <u>Đường line: http://syt.kontum.gov.vn/laws/detail/Ke-hoach-trien-khai-Chuong-trinh-Mo-rong-quy-mo-ve-sinh-va-nuoc-sach-nong-thon-dua-tren-ket-qua-nam-2021-117/</u> 3. In ấn và cấp tài liệu chuyên môn tuyên truyền về vệ sinh và rửa tay với xà phòng, số lượng: 2.850 quyển. 4. Tổ chức hoạt động truyền thông tại cộng đồng (hợp thôn, thăm hộ) tại thôn thực Chương trình về: xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; tầm quan trọng của việc rửa tay với xà phòng, thực hành rửa tay với xà phòng; hướng dẫn về thực hành vệ sinh phòng chống dịch COVID-19; tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh tại thôn, xóm. Tổng số hộ gia đình tham gia: 1.160 hộ.
Hoạt động 4: Duy trì hoạt động tại cửa hàng tiện ích/ chợ xây	25 cửa hàng/25 xã	Duy trì 25 cửa hàng ở 25 xã thực hiện Chương trình tại 08 huyện
Hoạt động 5: Tổ chức Lễ công nhận xã đạt VSTX cho các xã đạt VSTX năm 2020	01 lễ/01 xã	Tổ chức Lễ công nhận xã đạt VSTX cho các xã đạt VSTX năm 2020. Tổng số người tham dự: 150 người/5 Lễ công nhận.

Hoạt động 6: Kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động Chương trình.	04 đợt/ năm	- Tổ chức: 05 đợt. + Kiểm tra, giám sát hỗ trợ hoạt động: 03 đợt. + Kiểm tra, giám sát hỗ trợ công tác kiểm đếm: 01 đợt. + Kiểm tra công trình vệ sinh, nguồn nước, của Trạm Y tế và trường học các xã thực hiện vệ sinh toàn xã bền vững năm 2021.
Hoạt động 7: Báo cáo kết quả các hoạt động của Chương trình.	01	01
Hoạt động cấp huyện		
Hoạt động 8: Tập huấn về truyền thông và thay đổi hành vi & Phát triển thị trường vệ sinh cho Cán bộ xã, tuyên truyền viên, cửa hàng tiện ích.	15 lớp/15 xã thực hiện vệ sinh toàn xã bền vững	- Tổ chức 15 lớp tại 15 xã/08 huyện: - Thời gian: 2 ngày/lớp Số học viên: học viên Cụ thể: 282 học viên, trong đó: 132 nữ, 150 nam, DTTS: 169. - Huyện Đắk Hà: Xã Đắk La: 24 học viên, trong đó: 11 nữ, 13 nam, DTTS: 11 Xã Đắk Ui: 20 học viên, trong đó: 9 nữ, 11 nam, DTTS: 17 Xã Ngọc Wang: 18 học viên, trong đó: 8 nữ, 10 nam, DTTS: 12 - Huyện Đắk Tô: Xã Tân Cảnh: 20 học viên, trong đó: 10 nữ, 10 nam, DTTS: 6 Xã Kon Đào: 18 học viên, trong đó: 9 nữ, 9 nam, DTTS: 4 Xã Đắk Trăm: 18 học viên, trong đó: 7 nữ, 11 nam, DTTS: 16. Xã Văn Lem: 14 học viên, trong đó: 7 nữ, 7 nam, DTTS: 10 - Huyện Ngọc Hồi: Xã Đắk Xú: 26 học viên, trong đó: 15 nữ, 11 nam, DTTS: 12 - Huyện Đắk Glei Xã Đắk Roong: 16 học viên, trong đó: 5 nữ, 11 nam, DTTS: 13

		<p>- Huyện Tu Mơ Rông: Xã Đăk Hà: 22 học viên, trong đó: 9 nữ, 13 nam, DTTS: 17 Xã Đăk Tô Kan: 18 học viên, trong đó: 10.nữ, 8 nam, DTTS: 14 Xã Đăk Rơ Ông: 22 học viên, trong đó: 12 nữ, 10 nam, DTTS: 18</p> <p>- Huyện Sa Thầy: Xã Sa Nhơn: 14 học viên, trong đó: 05 nữ, 09 nam, DTTS: 01</p> <p>- Huyện Kon Rẫy: Xã Tân Lập: 16 học viên, trong đó: 9 nữ, 7 nam, DTTS: 3</p> <p>- Huyện Kon Plong: Xã Đăk Tăng: 16 học viên, trong đó: 06 nữ, 10 nam, DTTS: 15</p>
<i>Hoạt động cấp xã</i>		
Hoạt động 9: Hội nghị triển khai Chương trình cấp xã	01 hội nghị/01 xã	<p>- Tổ chức 15 hội nghị/15 xã/08 huyện: - Thời gian: 2 ngày/lớp Số học viên: học viên Cụ thể: 240 người tham dự, trong đó: 94 nữ, 146 nam, DTTS:108</p> <p>- Huyện Đăk Hà: Xã Đăk La: 19 người, trong đó: 7 nữ, 12 nam, DTTS: 5 Xã Đăk Ui: 15 người, trong đó: 6 nữ, 9 nam, DTTS: 11 Xã Ngọc Wang: 14 người, trong đó: 5 nữ, 9 nam, DTTS: 8</p> <p>- Huyện Đăk Tô: Xã Tân Cảnh: 17 người, trong đó: 7 nữ, 10 nam, DTTS: 4 Xã Kon Đào: 16 người, trong đó: 14 nữ, 2 nam, DTTS: 2 Xã Đăk Trăm: 16 người, trong đó: 7 nữ, 9 nam, DTTS: 7 Xã Văn Lem: 14 người, trong đó: 7 nữ, 7 nam, DTTS:</p>

		<p>8</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huyện Ngọc Hồi: Xã Đăk Xú: 20 người, trong đó: 8 nữ, 12nam, DTTS: 9 người - Huyện Đăk Glei Xã Đăk Roong: 15 đại biểu, trong đó: 1 nữ, 14 nam, DTTS: 10 - Huyện Tu Mơ Rông: Xã Đăk Hà: 17 người, trong đó: 6 nữ, 11 nam, DTTS: 11 Xã Đăk Tô Kan: 15 người, trong đó: 5 nữ, 10 nam, DTTS: 9 Xã Đăk Rơ Ông: 20 người, trong đó: 8 nữ, 12 nam, DTTS: 14 - Huyện Sa Thầy: Xã Sa Nhơn: 15 người, trong đó: 04 nữ, 11 nam, DTTS: 01 - Huyện Kon Rẫy: Xã Tân Lập: 13 người, trong đó: 04:nữ, 09: nam, DTTS:01 - Huyện Kon Plong: Xã Đăk Tăng: 14 người, trong đó: 05 nữ, 09 nam, DTTS: 08
<p>Hoạt động 10: Hoạt động truyền thông tại các xã thực hiện vệ sinh toàn xã bền vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát tin trên loa truyền thanh xã/Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng. - Cấp áp phích 	<p>15/15 xã thực hiện đầy đủ các hoạt động truyền thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát tin trên loa truyền thanh xã/Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng. - Cấp áp phích 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát tin trên loa truyền thanh xã: 101 lượt/9 xã/03 huyện (Đăk Hà, Đăk Tô, Tu Mơ Rông) - Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng: Hướng dẫn sử dụng, bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh; rửa tay với xà phòng: + Hợp thôn: tại 8 xã/ 5 huyện (Đăk Tô, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy, Kon Plông, Ngọc Hồi): 2.710 người tham dự. + Thăm 786 hộ tại 3 xã/ huyện Tu Mơ Rông. - Cấp áp phích: 111 tờ/15 xã/08 huyện. - Cấp băng rôn: 20 băng rôn/04 xã/02 huyện (Đăk Hà, Sa Thầy)

BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐẦU NỒI CẤP NƯỚC (DLI 1.3)													Dành cho các CTCN do UBND xã quản lý			Dành cho tất cả các CTCN
Hệ thống Số	Tên Công trình	Địa điểm ¹	Tỉnh trấn g ²	Số đầu nôi			Chất lượng nước		Nước thất thoát (%) ⁵	Doanh thu tiền nước	Chi phí VH & B D	Mô hình Quản lý ⁶	Biên bản tham vấn với người sử dụng nước ⁷	Quyết định thành lập Tổ VH&BD của UBND xã ⁸	Chứng chỉ/ Cam kết của UBND xã về việc đào tạo cho cán bộ VH ⁹	Tên các hoạt động IEC về nước sạch đã thực hiện ở địa bàn thi công công trình
				Theo kế hoạch	Thực tế đang hoạt động ³	Đầu nôi mới và cải tạo	Tất cả các chỉ số ⁴	Arsen ⁴								
I	Huyện Đắk Tô			320	318	318										
1	Cấp nước sinh hoạt thôn Đăk Chờ, Đăk Nu, Đăk No và thôn Đăk Tăng xã Ngọc Tụ, huyện Đắk Tô	xã Ngọc Tụ, huyện Đắk Tô	CM	320	318	318	Đạt	Đạt	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ Đô thị huyện Đắk Tô				Đã được tập huấn về lập Kế hoạch cấp nước an toàn; VH công trình nước; POM; IEC; giới và DTTS
II	Huyện Kon Rẫy			700	600	600										
1	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Lập - Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy	xã Tân Lập - Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy	CM	700	600	600	Đạt	Đạt	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ Đô thị huyện Kon Rẫy				Đã được tập huấn về lập Kế hoạch cấp nước an toàn; VH công trình nước; POM; IEC; giới và DTTS

III	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT			1.000	1.020	1.020										
1	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	CM	1.000	1.020	1.020	Đạt	Đạt	18%	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Đang vận hành kiểm tra kỹ thuật	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT				Đã được tập huấn về lập Kế hoạch cấp nước an toàn; VH công trình nước; POM; IEC; giới và DTTS
2	Cấp nước sinh hoạt xã Ia Chim, Tp. Kon Tum	Xã Ia Chim, Tp Kon Tum	CM		111	111	Đạt	Đạt	18%	Đã kiểm đếm năm 2020 là 936 đầu nối và năm 2021 đề nghị kiểm đếm là 111 đầu nối		Trung tâm Nước sạch và VSMTNT				Đã được tập huấn về lập Kế hoạch cấp nước an toàn; VH công trình nước; POM; IEC; giới và DTTS
TỔNG CỘNG				2.020	2.049	2.049										

Ghi chú:

1. Xã và huyện
2. Chuân bị đầu tư (PL)/ Đang thi công (UC) / Đưa vào hoạt động (CM) / Hoạt động (OP),
3. Hoạt động (cấp nước 24/7 và cho phép tỷ lệ ngưng trệ bình quân 10% hàng tháng)
4. Điền “Đạt được” hoặc “Không đạt được” so với Quy chuẩn QCVN 02: 2009/BYT của Bộ Y Tế hay bất kỳ chỉ số kế tục nào
5. Số giờ trong khoảng thời gian 24 giờ mà CTN cung cấp nước cho mạng lưới, tính trung bình trong 3 tháng cuối của giai đoạn báo cáo, tức là kết quả từ tháng 10 đến tháng 12 của năm được báo cáo.
6. Điền tên cụ thể của tổ chức, đơn vị vận hành : “Doanh nghiệp Nông thôn (REN), tự tài trợ và đơn vị quản lý phi

lợi nhuận (NFP), hợp tác xã (COP), hoặc Tư nhân (IND)
7,8 và 9: Có hoặc Không (Dành cho các công trình CN do UBND xã quản lý)

BẢNG I-5: KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG (Chỉ số 2.1)													
Hệ thống số	Tên công trình/Địa điểm	Ngày CTCN bắt đầu hoạt động	Chất lượng nước ¹		Mô hình quản lý ²	Số đầu nối nước			Doanh thu và chi phí			Nước thất thoát (%) ³	Thời điểm bắt đầu áp dụng thu tiền nước
			Tất cả các chỉ số	Asen		Theo kế hoạch ⁴	Đã phát hành hóa đơn ⁵	Tổng số hộ đã đầu nối ⁶	Chi phí VH-BD (VND) ⁷	Doanh thu từ nước (VND) ⁸	Chênh lệch giữa thu và chi (VND) ⁹		
1	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông	01/03/2020	Đạt	Đạt	UBND xã	190	190	190	6.600.000	6.823.000	223.000	10	3/2020
2	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Đăk Sao, huyện Tu Mơ Rông	01/03/2020	Đạt	Đạt	UBND xã	93	93	93	4.700.000	5.433.000	733.000	8	3/2020
3	Cấp nước sinh hoạt thôn Kon Gung - Đăk Mút, xã Đăk	26/03/2020	Đạt	Đạt	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ	392	304	392	15.800.000	15.898.920	98.920	18	3/2020

¹ Có thể điền: 'Đạt' hoặc 'Không đạt' theo các tiêu chuẩn của **Đầu nối nước Hoạt động** được định nghĩa trong STHD.

² Có thể ghi: Đơn vị sự nghiệp (PSP), Doanh nghiệp (E), hoặc UBND xã (CPC)

³ Chỉ áp dụng đối với các công trình có sử dụng điện và/hoặc hóa chất trong sản xuất, phân phối nước, được tính là tỷ số giữa tổng lượng nước thất thoát vật lý và thương mại và tổng lượng nước cấp vào mạng phân phối, tính trung bình trong 3 tháng cuối năm báo cáo, tức là các tháng 10-12 của năm báo cáo.

⁴ Số đầu nối đạt tiêu chuẩn **Đầu nối nước theo kế hoạch**, được định nghĩa trong Hướng dẫn tiêu chí CTCN bền vững của Trung tâm Quốc gia NS và VMT nông thôn đã gửi và hướng dẫn các tỉnh.

⁵ Số đầu nối nước đã được phát hành hóa đơn dịch vụ cấp nước cho 3 tháng cuối năm báo cáo, tức là các tháng 10-12 của năm báo cáo.

⁶ Tổng số hộ đầu nối vào CTCN, bao gồm các hộ mới đầu nối trong năm báo cáo, và các hộ đã đầu nối từ trước.

⁷ Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng CTCN, tính trung bình trong 3 tháng cuối năm báo cáo, tức là các tháng 10-12 của năm báo cáo.

⁸ Tổng doanh thu từ cấp nước, tính trung bình trong 3 tháng cuối năm báo cáo, tức là các tháng 10-12 của năm báo cáo.

⁹ Doanh thu từ nước trừ chi phí VH-BD.

	Mar, huyện Đăk Hà				đô thị huyện Đăk Hà								
4	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đăn Hà, xã Hà Môn, huyện Đăk Hà	23/03/2020	Đạt	Đạt	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện Đăk Hà	396	271	396	15.900.000	15.909.560	9.560	18	3/2020
5	Cấp nước sinh hoạt khu giãn dân	25/2/2020	Đạt	Đạt	UBND xã	68	63	68	2.151.000	2.151.000	0	13,2	3/2020
6	Cấp nước sinh hoạt thôn	25/2/2020	Đạt	Đạt	UBND xã	89	81	89	2.705.000	2.705.000	0	5,2	3/2020
7	Cấp nước sinh hoạt thôn 1,2,3	18/2/2020	Đạt	Đạt	UBND xã	360	310	360	2.147.500	2.147.500	0	4,8	3/2020
8	Cấp nước sinh hoạt TT xã Đăk Trăm -Huyện Đăk Tô	01/03/2020	Đạt	Đạt	Trung tâm Môi trường và Dịch vụ Đô thị huyện Đăk Tô	262	262	262	14.375.000	14.375.000	0	16,7	3/2020
9	Cấp nước sinh hoạt thôn 4, xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy	15/01/2020	Đạt	Đạt	UBND xã	104	105	104	3.300.000	4.652.000	1.352.000	10	3/2020
10	Cấp nước sinh hoạt thôn 3,2 xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy	15/01/2020	Đạt	Đạt	UBND xã	171	171	171	5.850.000	7.622.000	1.772.000	10	3/2020
	Tổng cộng					2.125	1.850	2.125	73.555.500	77.743.980	4.188.480		

BẢNG I-6: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG CỘNG BỀN VỮNG (Chỉ số 2.2)

Huyện	Xã	Năm đạt VSTX	% trường duy trì được tình trạng vệ sinh	% trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh
Đăk Hà	Đăk La	2019	100	100
Đăk Tô	Kon Đào	2019	100	100
Đăk Tô	Văn Lem	2019	100	100
Ngọc Hồi	Đăk Xú	2019	100	100
Đăk Glei	Đăk Roong	2019	100	100
Tu Mơ Rông	Đăk Hà	2019	100	100
Tu Mơ Rông	Đăk Tô Kan	2019	100	100
Kon Rẫy	Tân Lập	2019	100	100
Sa Thầy	Sa Nhơn	2019	100	100
Tổng cộng	09 xã			

BẢNG I-7: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.1 - Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố công khai

Kế hoạch Chương trình				Báo cáo Chương trình			
Được công bố công khai chưa?	Số Kế hoạch, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link	Được công bố công khai chưa?	Số báo cáo, ngày ký kế hoạch	Ngày đăng lên website	Đường link
Rồi	Kế hoạch Số 466/KH-UBND ngày	4/2/2021	http://kontumvpub.gov.vn/VBDetail.aspx?idVB=12781	Rồi			http://snnptnt.kontum.gov.vn/

	4/2/2021						
Rồi	3589/KH-SYT ngày 04/8/2021	04/8/2021	http://syt.kontum.gov.vn/laws/detail/Ke-hoach-trien-khai-Chuong-trinh-Mo-rong-quy-mo-ve-sinh-va-nuoc-sach-nong-thon-dua-tren-ket-qua-nam-2021-117/				
Rồi	Kế hoạch tăng cường năng lực số 61/KH-SNN ngày 23/9/2021	23/9/2021	http://snnptnt.kontum.gov.vn/tin-tuc/nong-thon-moi/ke-hoach-tang-cuong-nang-luc-thuc-hien-chuong-trinh-mo-rong-.html				

BẢNG I-8 – TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DLI 3.2 - Kế hoạch Phát triển Năng Lực Hàng năm đã phê duyệt được thực hiện

Các hoạt động Tăng cường năng lực (hoạt động cốt lõi) được thực hiện theo Kế hoạch Xây dựng Năng lực Hàng năm:		
Tên hoạt động	Mục tiêu	Kết quả
NGÀNH NÔNG NGHIỆP (Trung tâm nước tỉnh)		
- Hoạt động 1: Hội nghị triển khai thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2021 cấp tỉnh.	1 Hội nghị	- Tổ chức 1 hội nghị, tại Tp. Kon Tum - Thời gian: 01 ngày, ngày 04/12/2021 - Số người tham dự 22/24 người; 17 nam, 5 nữ, 0 DTTS
- Hoạt động 2: Hội nghị Tập huấn số tay hướng dẫn QLVH công trình cấp nước tập trung và hướng dẫn công tác thông tin - giáo dục và truyền thông về cấp nước nông thôn	4 Cuộc	- Tổ chức 1 Cuộc tại Tp. Kon Tum + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 11-12/12/2021 + Số người tham dự: 23/23 người; 18 nam, 5 nữ, 0 DTTS - Tổ chức 1 Cuộc tại Đăk Tô + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 22-23/12/2021 + Số người tham dự: 39/51 người; 23 nam, 16 nữ, 15 DTTS - Tổ chức 1 Cuộc tại Kon Rẫy + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 13-14/12/2021 + Số người tham dự: 45/56 người; 29 nam, 16 nữ, 15 DTTS - Tổ chức 1 Cuộc tại Đăk Hà + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 15-16/12/2021 + Số người tham dự: 29/30 người; 16 nam, 13 nữ, 1 DTTS
- Hoạt động 3: Hội nghị Tập huấn hướng dẫn lập kế hoạch cấp nước an toàn	2 Cuộc	- Tổ chức 1 Cuộc tại Kon Rẫy + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 17-18/12/2021 + Số người tham dự: 18/19 người; 15 nam, 3 nữ, 1 DTTS - Tổ chức 1 Cuộc tại Sa Thầy + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 24-25/12/2021 + Số người tham dự: 20/25 người; 17 nam, 3 nữ, 6 DTTS
- Hoạt động 4: Hội nghị tập huấn về Số tay hướng dẫn thực		- Tổ chức 1 Cuộc tại Tp. Kon Tum

hiện Chương trình (POM); lồng ghép giới và DTTS	3 Cuộc	+ Thời gian: 02 ngày, từ ngày 06-07/12/2021 + Số người tham dự: 22/24 người; 17 nam, 5 nữ, 0 DTTS - Tổ chức 1 Cuộc tại huyện Tu Mơ Rông + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 09-10/12/2021 + Số người tham dự: 19/24 người; 13 nam, 6 nữ, 8 DTTS - Tổ chức 1 Cuộc tại huyện Sa Thầy + Thời gian: 02 ngày, từ ngày 20-21/12/2021 + Số người tham dự: 35/40 người; 28 nam, 7 nữ, 17 DTTS
- Hoạt động 5: Quay phóng sự, đăng bài trên báo, Đài Truyền hình Kon Tum tuyên truyền về Nước sạch và VSMT nông thôn, nhất là việc triển khai Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra	Tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, phụ nữ và học sinh về ý thức ăn, ở hợp vệ sinh và tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch và vai trò, ý nghĩa của việc triển khai Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra	Các cấp, ngành có liên quan hiểu được vai trò, ý nghĩa về việc ăn, ở hợp vệ sinh và tầm quan trọng của việc triển khai Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra
NGÀNH Y TẾ		
Cấp tỉnh		
Hoạt động 1: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi & Phát triển thị trường vệ sinh cho cán bộ tỉnh, huyện.	01 Lớp	- Tổ chức 01 lớp tập huấn - Thời gian 04 ngày/lớp - Từ ngày: 16-19/11/2021 - Số học viên tham dự: 41/45 học viên; Trong đó: 23 nữ, 18 nam. DTTS: 03
Cấp huyện		
Hoạt động 2: Tập huấn về truyền thông và thay đổi hành vi & Phát triển thị trường vệ sinh cho Cán bộ xã, tuyên truyền viên, cửa hàng tiện ích.	15 lớp/15 xã thực hiện vệ sinh toàn xã bền vững	- Tổ chức 15 lớp tại 15 xã/08 huyện: - Thời gian: 2 ngày/lớp Số học viên: học viên Cụ thể: 282 học viên, trong đó: 132 nữ, 150 nam, DTTS: 169. - Huyện Đăk Hà: Xã Đăk La: 24 học viên, trong đó: 11 nữ, 13 nam,

DTTS: 11
Xã Đăk Ui: 20 học viên, trong đó: 9 nữ, 11 nam, DTTS: 17
Xã Ngọc Wang: 18 học viên, trong đó: 8 nữ, 10 nam, DTTS: 12
- Huyện Đăk Tô:
Xã Tân Cảnh: 20 học viên, trong đó: 10 nữ, 10 nam, DTTS: 6
Xã Kon Đào: 18 học viên, trong đó: 9 nữ, 9 nam, DTTS: 4
Xã Đăk Trăm: 18 học viên, trong đó: 7 nữ, 11 nam, DTTS: 16.
Xã Văn Lem: 14 học viên, trong đó: 7 nữ, 7 nam, DTTS: 10
- Huyện Ngọc Hồi: Xã Đăk Xú: 26 học viên, trong đó: 15 nữ, 11 nam, DTTS: 12
- Huyện Đăk Glei
Xã Đăk Roong: 16 học viên, trong đó: 5 nữ, 11 nam, DTTS: 13
- Huyện Tu Mơ Rông:
Xã Đăk Hà: 22 học viên, trong đó: 9 nữ, 13 nam, DTTS: 17
Xã Đăk Tờ Kan: 18 học viên, trong đó: 10.nữ, 8 nam, DTTS: 14
Xã Đăk Rơ Ông: 22 học viên, trong đó: 12 nữ, 10 nam, DTTS: 18
- Huyện Sa Thầy:
Xã Sa Nhơn: 14 học viên, trong đó: 05 nữ, 09 nam, DTTS: 01
- Huyện Kon Rẫy:
Xã Tân Lập: 16 học viên, trong đó: 9 nữ, 7 nam, DTTS: 3
- Huyện Kon Plong:
Xã Đăk Tăng: 16 học viên, trong đó: 06 nữ, 10

		nam, DTTS: 15
NGÀNH GIÁO DỤC		
Hoạt động 1: Tập huấn về truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh trong trường học	1 Lớp	Số hoạt động đã thực hiện: 01; số lượng người tham gia: 52/52, nam 23, nữ 29, DTTS: 05; thực hiện từ ngày 16-17/12/2021

Ghi chú:

- Mục tiêu: Điền số lượng hoạt động theo kế hoạch
- Kết quả: Điền số lượng hoạt động đã thực hiện, số lượng người tham gia, số lượng nam, nữ và DTTS, ngày tháng năm thực hiện

II. KHUNG KẾT QUẢ

Chỉ số PDO và kết quả trung gian trong PAD

Bảng II-1: Quá trình thực hiện và khung kết quả:

Chỉ số kết quả		Lỗi	DLIs	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2021				
						Mục tiêu	Tự đánh giá kết quả đạt được			
<i>Mục tiêu phát triển của Chương trình (PDO): Cải thiện hành vi vệ sinh, tăng cường và duy trì tiếp cận vệ sinh và nước sạch ở các vùng nông thôn tại các Tỉnh tham gia Chương trình</i>										
						<i>Từ xã VSTX theo KH</i>	<i>Từ đầu nổi nước theo KH</i>	<i>Từ xã đạt được VSTX</i>	<i>Từ đầu nổi nước đạt được</i>	<i>Tổng số kết quả đạt được</i>
Chỉ số PDO 1: Người thụ hưởng Trực tiếp của Chương trình (phân tích theo % nữ, % hộ gia đình có chủ hộ là nữ và % hộ DTTS) (Năm 2021 tỉnh Kon Tum không có xã VSTX mới, đây là số lý tích của 25 xã VSTX)	Tổng dân số	X		Số	0	125.779	8.282	127.080	8.320	135.400
	% nữ giới			%		48,0	23,9	48,2	22,24	-
	Tổng số Hộ			số		26.256	2.020	28.206	2.049	30.255
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ			%		17,6	23,9	17,7	22,24	
	% hộ DTTS			%		63,1	22,65	65,3	21,07	
Chỉ số PDO 2: Hộ gia đình được tiếp cận với dịch vụ cấp nước bền vững (Phân tích theo giới: % hộ gia đình có chủ hộ là nữ)	Tổng số Hộ			Số lượng	0	2.125		1.850		
	% số hộ có nữ giới là chủ hộ		X			19,65%		19,65%		
Chỉ số PDO 3: Số xã đạt Vệ sinh toàn xã			X	Số lượng	0	0		0		
Chỉ số PDO 4: Số xã đạt VSTX bền vững (trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng hợp vệ sinh)			X	Số lượng		7		9		

Chỉ số kết quả		Lỗi	DLIs	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2021	
						Mục tiêu	Tự đánh giá kết quả đạt được
Chỉ số PDO 5: Phương pháp tiếp cận mới cho các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và chuỗi cung ứng được đưa vào chương trình kế thừa của NTP3				Có/ Không	No	Có	Có
<i>Lĩnh vực Kết quả Trung gian 1: Các hành vi vệ sinh chính thay đổi trong dân chúng và tăng cường tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản</i>							
Chỉ số Kết quả Trung gian 1: Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông thay đổi hành vi (BCC); ở cấp tỉnh, huyện và xã			X	Tỉnh	0	01	01
Chỉ số Kết quả Trung gian 2: Trường học đạt được thông qua các chiến dịch BCC mục tiêu				Số lượng	0	27	27
Chỉ số Kết quả Trung gian 3: Trạm y tế với các chương trình chăm sóc tiền sản được đưa vào trong BCC				Số lượng (tích lũy - hoạt động lặp đi lặp lại mỗi năm)	0	25	25
Chỉ số Kết quả Trung gian 4: Chương trình truyền thông (BCC) cấp quốc gia được triển khai				Có/ không	Không		
Chỉ số Kết quả Trung gian 5: Tỷ lệ rửa tay xà phòng sau khi đi vệ sinh được tăng lên trong đối tượng mục tiêu, so sánh với những xã không có can thiệp của chương trình				%	0	80	92,4
<i>Lĩnh vực Kết quả Trung gian 2: Có cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh đầy đủ và trong tình trạng hoạt động</i>							
Chỉ số kết quả Trung gian 6: Đầu nối cấp nước hộ gia đình được cải tạo và xây mới đang hoạt động (FWSC) (chia theo giới)	Tổng số hộ đầu nối			Số lượng	0	2.020	2.049
	% hộ gia đình có nữ là chủ hộ	X	X		0		22,24%

Chỉ số kết quả		Lỗi	DLIs	Đơn vị tính	Khảo sát ban đầu	Năm 2021	
						Mục tiêu	Tự đánh giá kết quả đạt được
Chỉ số Kết quả Trung gian 7: Trường học và trạm y tế có các công trình cấp nước và vệ sinh mới và được cải tạo	Tổng số			Số lượng	0	0	0
	Trường học					0	0
	Trạm y tế			Công trình		0	0
<i>Lĩnh vực Kết quả Trung gian 3: Năng lực thực hiện chương trình được cải thiện</i>							
Chỉ số Kết quả Trung gian 8: Các Kế hoạch và Báo cáo Chương trình hàng năm được công bố			X	Số lượng	0	3	3
Chỉ số Kết quả Trung gian 9: Các báo cáo về phản hồi của người thụ hưởng đã nhận được và phản hồi đã được sử dụng				Số tỉnh có báo cáo phản hồi của người thụ hưởng được lập và sử dụng	0	0	0
Chỉ số Kết quả Trung gian 10: Kế hoạch Phát triển Năng lực hàng năm đã phê duyệt của các Tỉnh được thực hiện			X	Số tỉnh đã thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt	0	1	1
Chỉ số Kết quả Trung gian 11: Các hệ thống sẵn sàng và được sử dụng để giám sát và hỗ trợ sự bền vững của diện vệ sinh toàn xã				Số xã có các hệ thống được lắp đặt sẵn sàng để theo dõi tính bền vững	0	25	25

Ghi chú: Chỉ số PDO 1 được tính cho cả xã VSTX và đầu nối nước mới

III. TUÂN THỦ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM BÁO CÁO

BẢNG III-1: TÓM TẮT TUÂN THỦ KHHD TỈNH	
Hành động 1	
Cơ sở dữ liệu về khiếu nại và phản hồi khiếu nại của người hưởng lợi đã được lập và duy trì	Có
Báo cáo hàng năm gửi cho Bộ NN-PTNT	Có
Hành động2	
(a) Tất cả các đề xuất đã được xem xét	Có
(b) DNNN Phụ thuộc bị loại	Có
(c) Không có công ty bị cấm	Có
Hành động3	
Kế hoạch và ngân sách hàng năm đã được phê duyệt ở cấp tỉnh	Rồi
Phân bổ ngân sách được thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện	Rồi
Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng	Rồi
Hành động4	
Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin	Có
Hành động5	
Triển khai hợp phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Có

BẢNG III-2: MÔ TẢ TUÂN THỦ VỚI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH					
Hành động	Tuân thủ với Hành động				
1. Các tỉnh tham gia Chương trình sẽ tăng cường tính minh bạch thông qua việc lưu trữ các khiếu nại của người dân về tham vấn cộng đồng/tham nhũng/quản lý tài chính/đấu thầu/Thực hiện Chương trình trong một cơ sở dữ liệu và giải quyết các khiếu nại này. Thông tin sẽ được Bộ NN&PTNT tổng hợp ở cấp Quốc gia và định kỳ báo cáo cho Ngân hàng Thế giới.	Số đơn khiếu nại được nhập vào cơ sở dữ liệu:				
	Tham vấn cộng đồng:	Tham nhũng: Không	QLTC và Đấu thầu: Không	Đấu thầu: Không	Thực hiện chương trình: Không
	Số đơn khiếu nại được trả lời:				
	Tham vấn cộng đồng:	Tham nhũng:	QLTC và Đấu thầu:	Đấu thầu: Không	Thực hiện chương trình: Không

	Không	Không	Không	
<p>2. Cải thiện Phương thức đấu thầu thông qua việc đảm bảo: (a) Mọi hồ sơ dự thầu thiết kế chi tiết và giám sát thi công, cũng như hồ sơ dự thầu xây dựng công trình có giá thấp hơn hoặc cao hơn mức giá ước tính của gói thầu đều được đánh giá; (b) Các Doanh nghiệp nhà nước phụ thuộc (của Tỉnh thực hiện đấu thầu hoặc Bộ NN&PTNT) sẽ không được tham gia dự thầu; và (c) Các công ty trong danh sách cấm của địa phương, quốc gia, hoặc Ngân hàng Thế giới không được tham gia dự thầu.</p>	Số đề xuất và dự thầu nhận được cho gói thầu:		Số đề xuất và dự thầu nhận được cho gói thầu:	
	<p>1. Công trình cấp nước, vệ sinh trạm y tế: Đã hoàn thành</p> <p>2. Công trình cấp nước nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số gói thầu đấu thầu trực tiếp: 0 gói - Số gói thầu đấu thầu qua mạng: 01 gói - Số gói thầu đấu thầu chỉ định thầu: 06 gói - Số nhà thầu tham dự trực tiếp: 0 Nhà thầu - Số nhà thầu tham dự qua mạng: 01 Nhà thầu - Số nhà thầu tham dự chỉ định thầu: 06 Nhà thầu <p>3. Công trình cấp nước, vệ sinh trường học: Đã hoàn thành</p>		<p>1. Công trình cấp nước, vệ sinh trạm y tế:</p> <p>2. Công trình cấp nước nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số gói thầu đấu thầu trực tiếp: 0 gói - Số gói thầu đấu thầu qua mạng: 01 gói - Số gói thầu đấu thầu chỉ định thầu: 06 gói - Số nhà thầu tham dự trực tiếp: 0 Nhà thầu - Số nhà thầu tham dự qua mạng: 01 Nhà thầu - Số nhà thầu tham dự chỉ định thầu: 06 Nhà thầu <p>3. Công trình cấp nước, vệ sinh trường học: Đã hoàn thành</p>	
	Theo đúng các quy định hiện hành		Theo đúng các quy định hiện hành	
	<p>Các biện pháp được thực hiện để đảm bảo DNNN và các công ty trong danh sách cấm bị cấm tham gia: Tỉnh Kon Tum không có Doanh nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các Doanh nghiệp Nhà nước phụ thuộc của tỉnh thực hiện đấu thầu hoặc Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ không được tham gia dự thầu. Tỉnh Kon Tum không có Doanh nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc UBND tỉnh tham gia thực hiện các gói thầu thuộc Chương trình. - Hình thức địa phương áp dụng: Rà soát trên mạng đấu thầu Quốc gia và danh sách các đơn vị không được tham gia dự thầu của Ngân hàng thế giới 			
<p>3. Kế hoạch và ngân sách hàng năm sẽ được phê duyệt ở tất cả các cấp, và tiền sẽ được chuyển về kịp thời. Các hợp phần của hoạt động này bao gồm:</p> <p>(a) Kế hoạch và ngân sách hàng năm được phê duyệt ở tỉnh;</p> <p>(b) Phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình và thời gian phân bổ ngân sách được thực hiện; và</p> <p>(c) Phân bổ cho vệ sinh và truyền thông được thực hiện theo hướng dẫn liên bộ tương ứng.</p>	Tiền độ chuẩn bị kế hoạch, ngân sách hàng năm cho Chương trình:			
	Thực hiện theo đúng các Văn bản hướng dẫn			
	Tiền độ phân bổ ngân sách thực hiện cho Chương trình:			
	Thực hiện theo đúng các Văn bản hướng dẫn			
	Tiền độ phân bổ cho vệ sinh và truyền thông:			
Thực hiện theo đúng các Văn bản hướng dẫn				
4. Xây dựng hướng dẫn để bảo đảm sự tham gia có hiệu	Tình trạng xây dựng và thực hiện hướng dẫn làm việc với Dân tộc Thiểu số:			

quả và đảm bảo tham vấn với người dân địa phương, bao gồm cả các DTTS và các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó cụ thể hóa các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến người DTTS thông qua quá trình tham vấn trước cởi mở và được cung cấp đủ thông tin	Thực hiện theo đúng các Văn bản hướng dẫn	
	Số tham vấn đã thực hiện với Dân tộc thiểu số:	15
5. Triển khai cấu phần BCC của Chương trình theo Sổ tay Thực hiện Chương trình.	Tóm tắt Tình trạng xây dựng và thực hiện cấu phần BCC: Đã xây dựng và thực hiện đầy đủ các hoạt động theo kế hoạch BCC.	
	Thực hiện theo đúng các Văn bản hướng dẫn	
	Số các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch BCC:	12 hoạt động

IV. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.

ĐVT: tr.đồng

	Ngày nộp/ thực hiện		
(a) Báo cáo tài chính:	Ngày tháng năm 2021 nộp báo cáo		
(b) Ngân sách hàng năm			
	Vốn đối ứng	Vốn vay lại	Vốn WB
Vốn sự nghiệp:	Ngày 07 tháng 10 năm 2021 phê duyệt phân khai vốn sự nghiệp		
Đề xuất	1.829	0	0
Phân bổ	1.829	0	0
Giải ngân	1.816	0	0
Vốn đầu tư:		Ngày 16/12/2021 phê duyệt phân khai vốn	Ngày 16/12/2021 phê duyệt phân khai vốn
Đề xuất	0	2.193	16.306
Phân bổ	0	2.193	16.306
Giải ngân	0	1.039	9.560
(c) Đối chiếu	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng/ năm
(d) Báo cáo kiểm toán	Ngày/ tháng/ năm	Ngày/ tháng / năm	Ngày/ tháng/ năm

Bảng V-2: Dòng lao động**Các tác động xã hội bất lợi do lao động của nhà thầu gây ra**

STT	Các tác động xã hội	Có	Không	Các biện pháp giải quyết		Tình trạng giải quyết	
1	Xung đột về tôn giáo, văn hóa và dân tộc		x				
2	Tăng tội phạm và cách ứng xử bị cấm(trộm cắp, đánh nhau, lạm dụng vật chất, mại dâm, buôn bán người)		x				
3	Tăng gánh nặng và cạnh tranh về cung cấp dịch vụ xã hội (ví dụ nước, điện, dịch vụ y tế, giao thông, giáo dục...)		x				
4	Tăng các bệnh truyền nhiễm và gánh nặng lên dịch vụ y tế của địa phương		x				
5	Bạo lực về giới (lạm dụng tình dục đối với phụ nữ và trẻ em nữ, quan hệ bóc lột tình dục, quan hệ tình dục vị thành niên)		x				
6	Lao động trẻ em và bỏ học để đi lao động		x				
7	Tăng tắc nghẽn và tai nạn giao thông		x				

Giám sát dòng lao động của các nhà thầu					Ghi chú
Stt	Tên công trình	Số lượng công nhân của mỗi công trình			
		< 50 công nhân	=> 50-100	>100	
1	Cấp nước sinh hoạt thôn Đăk Chờ, Đăk Nu, Đăk No và thôn Đăk Tăng xã Ngọc Tụ huyện Đăk Tô	30			
2	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô		50		
3	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Diên Bình, huyện Đăk Tô và xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà (Dự án cải tạo, nâng cấp sửa chữa, mở rộng)	40			
4	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Lập - Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy	30			
Tổng		100	50		

VI. MÔI TRƯỜNG

- (a) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của PCERWASS chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình:
(b) Số lượng cán bộ được bổ nhiệm của Sở Y tế chịu trách nhiệm về các khía cạnh môi trường của chương trình:
(c) Báo cáo tiểu dự án (sử dụng bảng dưới đây)

Từ tới (giai đoạn báo cáo)	Số tiểu dự án 4						
Tháng 1 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021	Nghiên cứu khả thi/thiết kế đã hoàn thành	ĐTM/KHBVMT được chuẩn bị	ĐTM/KHBVMT được phê duyệt	Giấy phép khai thác nước	Giấy phép xả nước	Quy tắc thực hành về môi trường được đưa vào tài liệu đầu thầu	Môi trường Giám sát đưa vào báo cáo tiến độ
Số lượng công trình cấp nước sử dụng nước mặt	4	4	4	1. CNSH xã Tân Cảnh, Tp Kon Tum: số 591/GP-UBND ngày 3/12/2018 của UBND tỉnh Kon Tum 2. Cấp nước	- Xả thải dưới 5m ³ /ngày - Xả thải dưới	Về quy tắc thực hành về môi trường điều đưa vào tất cả các hồ sơ mời thầu trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (tất cả các tiểu dự án)	Giám sát công tác môi trường trong quá trình xây dựng điều được báo cáo định kỳ theo quy định (tất cả các tiểu dự án)

				<p>sinh hoạt xã Tân Lập - Đắk Ruông, huyện Kon Rẫy: QĐ số 640/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh)</p> <p>3. Cấp nước sinh hoạt thôn Đắk Chờ, Đắk Nu, Đắk No và thôn Đắk Tăng xã Ngọc Tụ, huyện Đắk Tô: Các công trình hiện hữu sử dụng nước mặt từ năm 2005</p> <p>4. Cấp nước sinh hoạt cụm xã Diên Bình, huyện Đắk Tô và xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà (Dự án cải tạo, nâng cấp sửa chữa, mở rộng): số 567/GP-UBND ngày 1/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum</p>	<p>5m³/ngày</p> <p>- Xã thải dưới 5m³/ngày</p> <p>- Xã thải dưới 5m³/ngày</p>		
--	--	--	--	--	--	--	--

Số lượng đào tạo về môi trường được tiến hành trong giai đoạn báo cáo	9 người
Thuyết minh về loại hình và phạm vi tác động môi trường đã được thảo luận trong ĐTM/KHBVMT	Bảo vệ môi trường xung quanh bao gồm: các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý chất thải và làm sạch hành lang, thực hiện các biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường (Có)
Nhận xét về việc đưa các biện pháp giảm nhẹ tác động vào thiết kế kỹ thuật, ví dụ như chọn địa điểm, xử lý bùn cặn, v.v) và hồ sơ mời thầu và hợp đồng.	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong thiết kế kỹ thuật và các hồ sơ mời thầu mang tính chất ràng buộc của các công trình xây dựng cho các nhà thầu để bảo vệ môi trường tốt hơn (Có)
Nhận xét về các khía cạnh môi trường trong quá trình xây dựng: tác động, các biện pháp giảm nhẹ tác động do Nhà thầu thực hiện	Thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết
Các nhận xét khác về thông điệp môi trường trong các chiến dịch truyền thông	Không
Lượng nước ngầm và nước mặt được khai thác trong Chương trình	Chưa có số liệu
Số khiếu nại về môi trường nhận được, mô tả quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại và hồ sơ xử lý khiếu nại về vấn đề môi trường.	Không
Các nhận xét khác	Không

VII. CÔNG TÁC ĐẤU THẦU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

a) Đánh giá tổng quan:

- Số hợp đồng mới được trao: 07
- Số hợp đồng đã hoàn thành: 06
- Tỷ lệ tuân thủ theo PAP về mặt đấu thầu, số không tuân thủ, lý do
- Các khiếu kiện khiếu nại nếu có: Không
- Các vấn đề nổi cộm và đề xuất giải pháp khắc phục: Không

b) Bảng thông tin tổng hợp

STT	Loại hợp đồng (gói thầu)	HĐ theo kế hoạch được duyệt		Số HĐ đã ký		HĐ đang thực hiện		HĐ đã hoàn thành		Tuân thủ KHHĐ #2 về đấu thầu (Y/N)
		Số lượng HĐ	Dự Toán tiền đấu thầu được phê duyệt cuối cùng (Tr. VND)	Qua đấu thầu rộng rãi	Qua chỉ định thầu	Số lượng HĐ	Giá trị (VND)	Số lượng HĐ	Giá trị (VND)	
A. Cấp nước		07	12.681,003	01	06	01	11.589,023	06	1.014,846	
I	Huyện Đắk Tô	02	709,642	0	02	0		02	645,129	
1	Cấp nước sinh hoạt thôn Đăk Chờ, Đăk Nu, Đăk No và thôn Đăk Tăng xã Ngọc Tú, huyện Đắk Tô	02	709,642	0	02	0		02	645,129	
	Hợp đồng Mua sắm, lắp đặt thiết bị	01	703,989	0	01	0		01	639,99	Y
	Hợp đồng Giám sát lắp đặt thiết bị	01	5,653	0	01	0		01	5,139	Y

